

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022 /HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2022

V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung, thanh toán nợ chung khi ly hôn, tranh chấp về yêu cầu tháo dỡ, di dời công trình trên đất, đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Hằng

Bà Nông Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hà Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2021 và thông báo thụ lý bổ sung số 75B/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung vợ chồng, thanh toán nợ chung của vợ chồng khi ly hôn*”, thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số: 75A/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Yêu cầu tháo dỡ di dời công trình trên đất và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1985. Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Khối phố 6B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lãng Văn Đ, sinh năm 1983. Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Khối phố 6B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Khối phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Quang H, chức vụ: Quyền Chủ tịch. Vắng mặt.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ma Văn L, chức vụ Giám đốc.

Địa chỉ: Khối phố 6A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo quyết định ủy quyền số: 159/QĐ-NHNo-PC, ngày 18/7/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B: Ông Phan Văn C, chức vụ: Phó Giám đốc. Vắng mặt.

3. Bà Lương Thị N, sinh năm 1958. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khối phố T, thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Lạng Sơn.

4. Ông Lèo Văn H1, sinh năm 1979. Vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị Y, sinh năm sinh năm 1980. Vắng mặt.

6. Ông Lăng Đình T, sinh năm 1958. Vắng mặt.

7. Bà Hà Thị T1, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Khối phố 6B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

8. Ông La Mạnh L, sinh năm 1962. Vắng mặt.

9. Bà Nông Thị K, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Đều trú cùng địa chỉ: Khối phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1957. Địa chỉ: Khối phố 6B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2021, bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Lương Thị H trình bày: Chị và anh Lăng Văn Đ tìm hiểu tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 22/12/2009. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuối năm 2021 anh Lăng Văn Đ thường xuyên say rượu rồi có hành vi đánh đập, đe dọa chị, ngoài ra anh Lăng Văn Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng chị không yêu cầu giải quyết về hình sự tuy nhiên từ đó chị ra ở riêng và sống ly thân cho đến nay, thấy không còn tình cảm vợ chồng nữa. Chị Lương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lăng Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 2 người con chung là Lăng Trí D, sinh ngày 13/7/2010 và Lăng Mạnh H2, sinh ngày 25/9/2015, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi

cả 2 người con và yêu cầu anh Lăng Văn Đ đóng góp cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng /1 người con cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng gồm có 3 thửa đất gồm: Các thửa 67 diện tích 159,7 m², thửa 85 diện tích 185 m², thửa 146, diện tích 184,4 m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 33 thị trấn B nay các thửa 67 và 85 đã làm nhà để bán hàng tạp hóa và thửa đất 146, tờ bản đồ địa chính số 33 thị trấn B nay đã trồng cây ăn quả, 01 nhà cấp 4 trên đất, 01 xe ô tô. Trong quá trình thu thập chứng cứ chị Lương Thị H có yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết thêm thửa đất số 81, diện tích 18 m² ở khoảng giữa của 2 thửa đất số 67 và 85 do chị đã nhận chuyển đổi từ ông La Mạnh L có nguồn gốc đất từ ông Lèo Văn H1 đã nhận chuyển nhượng với bà Hà Thị T1, nay đã làm nhà tạo thành một khối tài sản thống nhất. Chị yêu cầu giải quyết được chia các thửa 67, 81, 85, nhà ở, yêu cầu chia cho anh Lăng Văn Đ thửa đất 146, xe ô tô, nhà ở.

Về nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng chị vay 2 khoản nợ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B, khoản vay thừa nhất số tiền 1.500.000.000 đồng chị tự chịu trách nhiệm trả, còn khoản vay 200.000.000 đồng anh Lăng Văn Đ tự vay anh tự trả.

Tại lời khai của bị đơn anh Lăng Văn Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân nay chị Lương Thị H yêu cầu ly hôn do không còn tình cảm vợ chồng, nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lăng Văn Đ thừa nhận 2 vợ chồng có 2 người con chung như chị Lương Thị H trình bày, anh yêu cầu được nuôi cháu Lăng Trí D, chị Lương Thị H nuôi dưỡng cháu Lăng Mạnh H2 và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung của vợ chồng: có 3 thửa đất 67, 85 và 146 tờ bản đồ số 33 thị trấn B, trong đó thửa 67 và 85 hai vợ chồng đã làm nhà để bán hàng, thửa 146 đã trồng cây ăn quả, ngoài ra còn có 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai 110 biển kiểm soát 12A-085.62 mua năm 2017, yêu cầu được chia đôi tài sản.

Về nợ chung của vợ chồng: Anh Lăng Văn Đ vợ chồng có 2 khoản vay theo như chị Lương Thị H trình bày và đồng ý trách nhiệm trả nợ như chị Lương Thị H nêu.

Tại bản tự khai của bà Lương Thị N mẹ đẻ của chị Lương Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Năm 2011, bà nhận chuyển nhượng thửa đất số 85 tờ bản đồ số 33 thị trấn B diện tích 185,0 m² chiều rộng mặt đường 5,0 m với bà Hà Thị T1 giá trị 270.000.000 đồng, số tiền mua đất do bà Lương Thị N góp 100.000.000 đồng, bà Hoàng Thị S góp 170.000.000 đồng để mua thửa đất số 85. Mục đích nhận chuyển nhượng thửa đất 85 là để cho 2 vợ chồng Lăng Văn Đ và Lương Thị H và thống nhất để bà Lương Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị S và chồng là ông Lăng Đình T và đã chuyển nhượng cho vợ chồng chị Lương Thị H và anh Lăng Văn Đ. Đối với thửa đất bên cạnh bà không được nhận chuyển nhượng nhưng chị Lương Thị H khi đổ đất có hỏi lấy tiền thì bà tự nguyện cho 200.000.000 đồng không làm giấy tờ gì, hiện nay 2 thửa đất chị H và anh Đ làm nhà ở để làm siêu thị.

Khi anh Lăng Văn Đ mua ô tô thì bà có đến nhà ông Lăng Đình T và vợ là Hoàng Thị S bà Lương Thị N có đưa cho anh Lăng Văn Đ 200.000.000 đồng để 2 vợ chồng mua xe ô tô sau đó đi đăng ký mang tên ông Lăng Đình T, 3 lần bà cho tiền mua đất, lấp đất, mua ô tô đều không làm giấy tờ gì, nay bà không đòi lại tiền, các thửa đất 67, 85 và xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng anh Lăng Văn Đ và Lương Thị H, nay bà không đòi hỏi quyền lợi gì và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai của ông Lăng Đình T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Năm 2017 con trai ông là Lăng Văn Đ có đi vay tiền Ngân hàng nông nghiệp huyện B 200.000.000 đồng để mua xe ô tô, khi đó có bà Lương Thị N là thông gia có đến nhà và đưa cho anh Lăng Văn Đ 150.000.000 đồng để góp vào mua xe ô tô biển kiểm soát 12A-08562 là tài sản chung của vợ chồng anh Lăng Văn Đ và chị Lương Thị H và lấy tên ông Lăng Đình T để đăng ký xe, nhưng thực tế ông không liên quan gì, đây là tài sản chung chị Lương Thị H và anh Lăng Văn Đ và đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, việc chia tài sản chung của vợ chồng ông không đòi hỏi quyền lợi gì.

Tại bản tự khai của bà ông Lèo Văn H1 và vợ là Hoàng Thị Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Năm 2007 vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng đất với bà Hà Thị T1 thửa đất 67, diện tích 159,7 m² tờ bản đồ số 33 thị trấn B, năm 2008 thấy chiều rộng mặt đường hẹp chỉ có 4,35 m, nên vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng thêm thửa đất 81 liền kề với bà Hà Thị T1 để tạo mặt đường rộng hơn nhưng chưa đăng ký quyền sử dụng đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 81. Năm 2015, khi không còn nhu cầu sử dụng nên ông đã chuyển nhượng thửa đất 67 và 81 cho ông La Mạnh L, nay ông không còn liên quan gì đến 2 thửa đất hiện nay chị Lương Thị H và anh Lăng Văn Đ là nhà ở để bán hàng nêu trên, yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai của bà Hà Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Năm 2007 bà chuyển nhượng cho anh Lèo Văn H1 và vợ là Hoàng Thị Y thửa đất số 67 tờ bản đồ số 33 thị trấn B diện tích là 159,7 m², nhưng do mặt đường hẹp chỉ có 4,35 m nên năm 2008 bà tiếp tục chuyển nhượng cho vợ chồng anh Lèo Văn H1 thửa đất số 81 tờ bản đồ số 33, thị trấn B diện tích 18,0 m² chiều rộng mặt đường 0,50 m tiếp giáp liền kề với thửa 67 nêu trên tạo thành một chủ đất. Năm 2011 bà chuyển nhượng cho bà Lương Thị N người ở thị trấn B1, huyện B1 thửa đất số 85 tờ bản đồ số 33 thị trấn B diện tích 185,0 m² chiều rộng mặt đường 5,0 m, nay 3 thửa đất nêu trên đang do chị Lương Thị H và chồng là anh Lăng Văn Đ làm nhà ở để bán hàng, diện tích 3 thửa đất bà đã chuyển nhượng nay không còn liên quan gì đến bà.

Tại bản tự khai của ông La Mạnh L và vợ là bà Nông Thị K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Năm 2008 vợ chồng ông nhận chuyển nhượng với vợ chồng anh Lèo Văn H1 thửa đất số 67 tờ bản đồ số 33 thị trấn B diện tích là 159,7 m² và thửa đất số 81 tờ bản đồ số 33, thị trấn B diện tích 18,0 m² tổng chiều rộng mặt đường cả 2 thửa là 4,85 m trong đó thửa 81 chưa đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016 vợ chồng ông chuyển đổi 2 thửa đất số 67 và 81 cho chị Lương Thị H và anh Lăng Văn Đ nhưng thửa 81 chưa đăng ký quyền sử dụng, nay không đòi hỏi quyền lợi gì và đề nghị giải quyết vắng mặt

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu của bà Hoàng Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày: Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 33 thị trấn B, diện tích 184,4 m² vợ chồng chị Lương Thị H và Lãng Văn Đ mua năm 2018 với bà Nguyễn Thị L1, mục đích mua để làm nhà ở cho nhân viên bán hàng ở siêu thị, khi mua chị Lương Thị H có vay của bà 02 cây vàng, nay chưa trả. Đối với thửa đất 67 diện tích 159,7 m² mua với bà Hà Thị T1 năm 2010 với giá là 360.000.000 đồng. Trong đó tiền của vợ chồng bà góp vào 260.000.000 đồng, bà Lương Thị N góp 100.000.000 đồng, bà được trực tiếp giao dịch và đưa tiền cho chị Lương Thị H đi thanh toán và làm các thủ tục giấy tờ. Năm 2016, chồng bà được nghỉ hưu trước tuổi được thanh toán một khoản tiền, nên vợ chồng bà đã mua thửa đất nay là nhà trọ số 135 khối phố 6B với vợ chồng ông Lý Văn L2 (nay đã chết) với số tiền toàn bộ của bà 460.000.000 đồng, do bà trực tiếp giao dịch và đưa tiền cho chị Lương Thị H đi thanh toán và làm các thủ tục giấy tờ, sau nay do có nhu cầu mở rộng diện tích để làm quán kinh doanh chị Lương Thị H đã đem thửa đất này chuyển đổi lấy thửa 67 với ông La Mạnh L vợ là Nông Thị K, do vậy thửa đất này hoàn toàn là tiền của vợ chồng bà. Do đó, bà Hoàng Thị S có yêu cầu độc lập: Yêu cầu chị Lương Thị H và anh Lãng Văn Đ trả lại 02 cây vàng khi mượn để mua thửa đất 146. Yêu cầu chị Lương Thị H và anh Lãng Văn Đ tháo dỡ nhà để trả lại thửa đất 67 cho bà quản lý, sử dụng. Yêu cầu chị Lương Thị H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thị S đang được chị Lương Thị H thế chấp vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự đều không yêu cầu Tòa án định giá xác định giá trị 2 cây vàng mà chỉ yêu cầu thanh toán bằng hiện vật.

Tại công văn số: 15/CV-NHNo, ngày 25/02/2022, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B cho biết chị Lương Thị H có vay tại Ngân hàng số tiền 1.500.000.000 đồng mục đích vay kinh doanh, thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ chồng là bà Hoàng Thị S, nay nợ gốc còn lại là 700.000.000 đồng. Anh Lãng Văn Đ vay 200.000.000 đồng thế chấp bằng lương, nay nợ gốc còn 13.000.000 đồng, khi ly yêu cầu xác định trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng.

Tại công văn số 839/UBND-TP, ngày 19/8/2022, Ủy ban nhân dân thị trấn B cho biết thửa đất số 81, diện tích 18,0 m² tờ bản đồ địa chính số 33 thị trấn B chưa đăng ký quyền sử dụng đất, khi Tòa án giải quyết cho đương sự nào quản lý và sử dụng thì phải đăng ký và làm đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đo đạc bản đồ ngày 29/4/2022 xác định: Các thửa đất 67, 81, 85 và 146 tờ bản đồ địa chính số 33 thị trấn B có tại 2 K vực, cụ thể:

- Khu vực thứ nhất: Tại các thửa đất 67, 81, 85 liền kề nhau đã được làm nhà ở từ năm 2017 (siêu thị) để bán hàng có các phía tiếp giáp:

Phía Bắc giáp Quốc lộ 1B có chiều dài là 9,85 m.

Phía Đông giáp nhà bà Hà Thị T1 tại thửa đất số 119 có chiều dài là 37,0 m.

Phía Tây giáp nhà bà Phạm Thị Tám tại thửa đất số 103 có chiều dài là 36,78 m.

Phía Nam giáp đất của ông Hoàng Minh Đ1 tại thửa đất số 47 có chiều dài là 9,84 m. Trong đó diện tích của các thửa 67 là 159,7 m², thửa 81 diện tích 18 m², thửa 85 diện tích 185,0 m². Tổng diện tích từ các điểm A, A1, B, C, D, E, F1, F, G, H của

cả 3 thửa đất là $362,7 \text{ m}^2$, giá trị là $7.800.000 \text{ đồng} / 1 \text{ m}^2 = 2.829.060.000 \text{ đồng}$. Nhà ở xây cấp 4 xây trên một phần của cả 3 thửa đất từ các điểm A1, B, C, D, E, F1 diện tích 200 m^2 xây dựng các năm 2012 và xây bổ sung năm 2017 giá trị còn lại là 610.461.326 đồng.

- Khu vực thứ hai: Tại thửa đất số 146 là vườn trồng cây ăn quả có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp vườn bà Hoàng Thị S và lối đi chung với nhà bà Nguyễn Thị L1 có chiều dài là 37,41 m.

Phía Đông giáp nhà ông Hoàng Văn T2 tại thửa đất số 113 có chiều dài là 5,50 m.

Phía Tây giáp vườn bà Nguyễn Thị L1 tại thửa đất số 144 có chiều dài là 15,90 m.

Phía Nam giáp vườn bà Nguyễn Thị L1 tại thửa đất số 144 và 142 có chiều dài là 25,45 m, phía Bắc và phía Nam xây bằng tường gạch bê tông, phía Đông xây bằng tường gạch bê tông phía trên có hàng rào kẽm, phía Tây là tường nhà ông Hoàng Văn T2, diện tích của thửa 146 từ các điểm A, B, C, D, E, F, G, H, K là $184,4 \text{ m}^2$, giá trị là $47.000 \text{ đồng} / 1 \text{ m}^2 = 8.666.800 \text{ đồng}$, tường rào xây bằng gạch bê tông năm 2019 giá trị là 16.362.703 đồng, rào kẽm sử dụng từ năm 2009 đã hết khấu hao, cây trồng trên đất gồm 15 cây bưởi, 5 cây đu đủ, 1 cây xoài, 1 cây sưa, 1 cây mơ, 3 cây đào, 1 cây mận, 12 cây táo, 1 cây mít, 1 cây nhãn. Tổng giá trị cây trên đất tại thửa 146 là 28.487.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 3.663.165.095 đồng.

Tại phiên xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tại phiên hòa giải chị Lương Thị H khẳng định diện tích nhận chuyển nhượng thửa 146 không có phần chuồng gà (như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp) từ các điểm A, B, C, D, E, F, G, L, K là $S2 = 174,5 \text{ m}^2$. Đối với 02 chiếc xe mô tô tại phiên xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản các bên đương sự không yêu cầu thẩm định và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, các loại hàng tạp hóa trong siêu thị các đương sự đều khẳng định do chị Lương Thị H đầu tư, là tài sản riêng của chị Lương Thị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải ngày 19/7/2022, tại phiên hòa giải chị Lương Thị H và anh Lăng Văn Đ thỏa thuận được việc giải quyết một phần nội dung vụ án gồm: Về quan hệ hôn nhân, các bên đương sự thuận tình ly hôn, về con chung các bên thừa nhận vợ chồng có 2 người con chung là Lăng Trí D, sinh ngày 13/7/2010 và Lăng Mạnh H2, sinh ngày 25/9/2015, các bên thỏa thuận chị Lương Thị H trực tiếp nuôi cháu Lăng Mạnh H2, anh Lăng Văn Đ trực tiếp nuôi cháu Lăng Trí D và các bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12A-085.62 đăng ký mang tên ông Lăng Đình T, tại lời khai ông Lăng Đình T thừa nhận chỉ đứng tên đăng ký nhưng không lên quan đến quyền lợi của chiếc xe, vì tiền mua xe là của 2 vợ chồng anh Lăng Văn Đ và chị Lương Thị H, nên xác định chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12A-085.62 tài sản chung vợ chồng tại phiên định giá các đương sự thỏa thuận trị giá còn lại là 160.000.000 đồng, anh Lăng Văn Đ thỏa thuận trả cho chị Lương Thị H 1/2 giá trị định giá là 80.000.000 đồng để anh Lăng Văn Đ được quyền sở hữu chiếc xe ô tô.

Sau khi Tòa án án tổ chức phiên hòa giải, chị Lương Thị H và anh Lăng Văn Đ đã tự nguyện lập hợp đồng tặng cho tài sản cho các con là Lăng Trí D và Lăng Mạnh H2 quyền sử dụng đất 03 thửa đất 67, 81 và 85 cùng nhà ở trên đất. ngày 18/8/2022 chị Lương Thị H đã có đơn rút phần yêu cầu giải quyết đối với 3 thửa đất 67, 81 và 85 và các tài sản có trên đất.

Tại biên bản xác minh tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh huyện B ngày 19/8/2022 xác định hiện nay khoản vay nợ mang tên Lương Thị H, khoản vay mang tên Lăng Văn Đ như nêu trên đã được thanh lý hợp đồng vay.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, bà Hoàng Thị S, anh Lăng Văn Đ, chị Lương Thị H có đơn yêu cầu Tòa án ghi nhận nội dung thỏa thuận của các đương sự theo biên bản thỏa thuận ngày 22 tháng 8 năm 2022. Cụ thể:

- Chị Lương Thị H trả cho bà Hoàng Thị S 02 cây vàng SJC 9999 (mua tại cửa hàng vàng bạc Hoàng Long thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

- Chị Lương Thị H trả cho bà Hoàng Thị S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 963516 số vào sổ cấp GCN: CH 00355, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 20/01/2020 mang tên Hoàng Thị S.

- Sau khi chị Lương Thị H thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị S 02 cây vàng SJC 9999 (mua tại cửa hàng vàng bạc Hoàng Long thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 963516 số vào sổ cấp GCN: CH 00355, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 20/01/2020 mang tên Hoàng Thị S. thì Chị Lương Thị H được toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 146 tờ bản đồ địa chính số 33 thị trấn B và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất có các phía tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp vườn bà Hoàng Thị S và lối đi chung với nhà bà Nguyễn Thị L1 có chiều dài là 37,66 m.

- + Phía Tây giáp nhà ông Hoàng Văn T2 tại thửa đất số 113 có chiều dài là 5,50 m.

- + Phía Đông giáp vườn bà Nguyễn Thị L1 tại thửa đất số 144 có chiều dài là 15,90 m.

- + Phía Nam giáp vườn bà Nguyễn Thị L1 tại thửa đất số 144 và 142 có chiều dài là 25,45 m, diện tích của thửa 146 từ các điểm A, B, C, D, E, F, G, L, K là diện tích 174,5 m², giá trị là 8.666.800 đồng, và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất theo như hiện trạng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2022 gồm: Tường rào xây bằng gạch bê tông xây năm 2019 giá trị là 16.362.703 đồng, rào kẽm sử dụng từ năm 2009, cây trồng trên đất gồm 15 cây bưởi, 5 cây đu đủ, 1 cây xoài, 1 cây sưa, 1 cây mơ, 3 cây đào, 1 cây mận, 12 cây táo, 1 cây mít, 1 cây nhãn. Tổng giá trị cây trên đất tại thửa 146 là 28.487.000 đồng (kèm theo mảnh trích đo số 46/2022, ngày 29/4/2022 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn).

Tại phiên tòa chị Lương Thị H đã giao nhận đầy đủ cho bà Hoàng Thị S: 02 cây vàng SJC 9999 (mua tại cửa hàng vàng bạc Hoàng Long thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 963516 số vào sổ cấp GCN: CH 00355, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 20/01/2020 mang tên Hoàng Thị S.

Trong quá trình tham gia tố tụng chị Lương Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí Thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Tại phiên bà Hoàng Thị S, anh Lăng Văn Đ không có ý kiến gì về việc rút yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H. Bà Hoàng Thị S giữ nguyên quan điểm về việc rút yêu cầu được sử dụng thửa số 67, yêu cầu di dời tài sản trên thửa 67 do 2 vợ chồng chị Lương Thị H và anh Lăng Văn Đ đã tặng cho các con là cháu nội của bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, chị Lương Thị H và anh Lăng Văn Đ vẫn giữ việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, anh Đ sử dụng chiếc ô tô và hoàn lại cho chị Lương Thị H 1/2 giá trị là 80.000.000 đồng; đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn, công nhận thỏa thuận nuôi con chung và thanh toán nợ chung và ghi nhận nội dung thỏa thuận về chia tài sản chung đối với thửa đất số 146, trả lại tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hoàng Thị S đang thế chấp tại Ngân hàng. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng đối với các thửa 67, 81, 85 và ngôi nhà trên đất tranh chấp do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện do vợ chồng đã tặng cho tài sản cho con; đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu tháo dỡ công trình và đòi được quản lý sử dụng thửa đất 67, xem xét về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án, thụ lý về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc đòi lại tài sản, yêu cầu di dời, tháo dỡ công trình trên đất, thu thập chứng cứ, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không có ý kiến khiếu nại gì. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đề nghị xét xử vắng mặt, do đó việc xét xử vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ, nên cần xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: chị Lương Thị H và anh Lăng Văn Đ là hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số: 51, ngày 22 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Lương Thị H và anh Lăng Văn Đ đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa các bên đều thuận tình ly hôn nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Các bên đều thừa nhận vợ chồng có 2 người con chung và thỏa thuận chị Lương Thị H trực tiếp nuôi cháu Lăng Mạnh H2 sinh ngày 25/9/2015, anh Lăng Văn Đ trực tiếp nuôi cháu Lương Trí D, sinh ngày 13/7/2010 đến khi đủ 18 tuổi và hai bên tự mình nuôi con không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy các đương sự đều có công việc và thu nhập ổn định, đồng thời thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện nên cần công nhận.

[5] Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng thống nhất được gồm: Thửa đất 146, tờ bản đồ số 33 thị trấn B, cùng các loại cây ăn quả và tường rào xây trên đất, ngôi nhà xây cấp 4 làm năm 2012 và 2017 trên các thửa đất 67, 81 và 85 và chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12A-085.62.

[6] Tài sản không thống nhất được là quyền sử dụng tại các thửa đất 67, 81 và 85 nơi có ngôi nhà xây cấp 4 của 2 vợ chồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lăng Văn Đ và Lương Thị H, bởi vì khi nhận chuyển nhượng, chuyển đổi các thửa đất đều có các bên nội là bà Hoàng Thị S, bên ngoại là bà Lương Thị N góp tiền cho chị Lương Thị H để thanh toán và làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất chung của vợ chồng mà không đặt ra điều kiện nào, nay 2 vợ chồng ly hôn thì bà Hoàng Thị S đòi dỡ nhà để trả lại thửa đất 67 cho bà quản lý, sử dụng. Anh Lăng Văn Đ yêu cầu chị Lương Thị H tháo dỡ ngôi nhà và trả lại mặt bằng diện tích thửa 67, 81, 85 và mỗi người được quyền quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích. Tuy nhiên, chị Lương Thị H và anh Lăng Văn Đ cho biết ngày 18/8/2022 đã tặng cho 3 thửa đất 67, 85 và phần đất chưa đăng ký quyền sử dụng đất là thửa 81 liền thành một khu đất đã làm nhà ở cho 02 người con là Lăng Trí D và Lăng Mạnh H2, đồng thời chị Lương Thị H đã có đơn tự nguyện rút yêu cầu chia 3 thửa đất và nhà ở nói trên, bà Hoàng Thị S cũng rút một phần yêu cầu độc lập về việc yêu cầu tháo dỡ ngôi nhà và yêu cầu trả lại thửa đất số 67. Do các đương sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu độc lập, các đương sự khác không có ý kiến phản đối, do đó cần đình chỉ đối với yêu cầu người khởi kiện đã rút và đình chỉ một phần đối với yêu cầu độc lập đã rút là phù hợp, cần được chấp nhận. Do tài sản chung của vợ chồng là các thửa đất 67, 81 và 85 đã tặng cho người khác, nên chị Lương Thị H không có quyền khởi kiện lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với các thửa đất đã tặng cho. Bà Hoàng Thị S có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã được đình chỉ để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Tài sản chung các bên thỏa thuận chia tại phiên hòa giải và trước khi mở phiên tòa gồm: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12A-085.62 anh Lăng Văn Đ và chị Lương Thị H thỏa thuận cho anh Lăng Văn Đ được sở hữu, sử dụng và định đoạt, anh Lăng Văn Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị Lương Thị H $\frac{1}{2}$ giá trị theo kết quả định giá số tiền là 80.000.000 đồng. Nhận thấy chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12A-085.62 giấy đăng ký mang tên Lăng Đình T, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận quyền sở hữu chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12A-085.62 là của chung anh Lăng Văn Đ

và chị Lương Thị H, ông Lãng Đình T chỉ đứng tên đăng ký thay và không đòi hỏi quyền lợi gì, nên cần xác định đây là tài sản chung vợ chồng Lãng Văn Đ và Lương Thị H. Do thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nên cần chấp nhận và xem xét về nghĩa vụ chậm trả do các bên không thỏa thuận được về nghĩa vụ chậm trả. Đối với biên bản thỏa thuận lập ngày 22/8/2022 giữa chị Lương Thị H và anh Lãng Văn Đ, bà Hoàng Thị S về việc trả 02 cây vàng 9999 và định đoạt quyền sử dụng đất thửa 146, quyền sở hữu tài sản trên thửa 146 và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thị S. Nhận thấy biên bản thỏa thuận là do các đương sự tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật do đó cần được ghi nhận vào trong bản án.

[8] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lãng Đình T, bà Hoàng Thị S và bà Lương Thị N là những người đã cho tiền để mua ô tô, mua đất có liên quan đến việc hình thành các thửa đất 67, 81 và 85, nay tài sản đã được tặng cho các cháu Lãng Trí D, Lãng Mạnh H2 và không có yêu cầu đòi lại tiền đã góp, nên không xem xét. Đối với bà Hà Thị T1 là người đã chuyển nhượng cả 3 thửa đất 67, 81 và 85, nay thửa đất 81 chưa đăng ký quyền sử dụng đất, tuy nhiên việc chuyển nhượng qua nhiều chủ, nhưng về kích thước chiều rộng, chiều dài và diện tích của các thửa đất không thay đổi theo số liệu chuyển nhượng ban đầu, không ảnh hưởng đến diện tích còn lại của thửa đất của bà Hà Thị T1 đang sử dụng, nên không xem xét về quyền lợi của bà Hà Thị T1 đối với thửa 81 trong vụ án này. Đối với anh Lèo Văn H1 và vợ là chị Hoàng Thị Y, khi nhận chuyển nhượng thửa đất 67 và 81 với bà Hà Thị T1, nhưng không đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa 81, sau đó chuyển nhượng cho ông La Mạnh L và vợ là bà Nông Thị K, 2 thửa 67 và 81, năm 2016 ông La Mạnh L và bà Nông Thị K chuyển đổi 2 thửa 67 và 81 cho chị Lương Thị H và anh Lãng Văn Đ, trên thửa tể chị Lương Thị H và anh Lãng Văn Đ đã là nhà ở trên các thửa đất 85 năm 2012, 67 và 81 năm 2017 nhưng vẫn chưa đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa 81, các bên vẫn thừa nhận việc đã chuyển nhượng, chuyển đổi thửa 81 và không đòi hỏi quyền lợi gì, nên không xem xét quyền lợi của các ông bà Lèo Văn H1, Hoàng Thị Y, La Mạnh L, Nông Thị K đối với thửa 81 trong vụ án này.

[9] Về nợ chung của vợ chồng: Tại các bản khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa giữa chị Lương Thị H, anh Lãng Văn Đ với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B đều giữ nguyên quan điểm thỏa thuận được trách nhiệm trả nợ cụ thể: Chị Lương Thị H có trách nhiệm trả khoản vay 1.500.000.000 đồng mục đích vay kinh doanh, thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ chồng là bà Hoàng Thị S. Anh Lãng Văn Đ vay 200.000.000 đồng thế chấp bằng lương, đã thanh toán hết và được Ngân hàng nông nghiệp huyện B. Ngày 19/8/2022, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện B xác nhận các khoản vay này các đương sự đã thanh toán nợ vay của cả 2 hợp đồng nên không xem xét.

[10] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị S yêu cầu chị Lương Thị H và anh Lãng Văn Đ phải trả lại cho bà mỗi người 01 cây vàng 9999 đã mượn để mua thửa đất 146, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Lãng Văn Đ và chị Lương Thị H trả lại cho bà Hoàng Thị S 02 cây vàng 9999 để được quản lý sử dụng 146 như đã nêu ở mục [7] nêu trên nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ngày 17/8/2022 bà Hoàng Thị S có đơn xin rút một phần yêu

cầu về yêu cầu giải quyết việc dỡ nhà để trả lại thửa đất số 67, tờ bản đồ địa chính số 33 thị trấn B. Thấy việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận và đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu này, bà Hoàng Thị S có quyền khởi kiện lại yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Tại phiên tòa chị Lương Thị H đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hoàng Thị S trước đó đã thế chấp tại Ngân hàng do đã được giải chấp, trả cho bà Hoàng Thị S 02 cây vàng SJC 9999 nên cần xác nhận. Cũng tại phiên tòa bà Hoàng Thị S yêu cầu được quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 67 thay cho cháu Lăng Trí D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thấy yêu cầu của bà Hoàng Thị S là vượt phạm vi yêu cầu độc lập, nên không xem xét.

[11] Về chi phí tố tụng: Các khoản chi phí đã chi gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, định giá tài sản 1.500.000 đồng, chi phí thuê đo đạc bản đồ 9.925.000 đồng. Tổng chi phí tố tụng là 14.425.000 đồng (mười bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chị Lương Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng đã chi. Việc chị Lương Thị H chịu chi phí là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Xác nhận chị Lương Thị H đã nộp đủ.

[12] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Lương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, án phí về nghĩa vụ trả tài sản cho bà Hoàng Thị S là 300.000 đồng và 50% án phí có giá ngạch đối với 1/2 giá trị chiếc ô tô được hưởng là 80.000.000 đồng + 50% giá trị tài sản gồm: thửa đất 146 giá trị là 8.201.500 đồng + giá trị tường rào 16.362.703 đồng + giá trị cây trên đất 28.847.000 đồng = 133.651.203 đồng x 5 % = 6.682.256 đồng : 2 = 3.341.280 đồng. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Lương Thị H phải chịu là 3.941.000 đồng; anh Lăng Văn Đ phải chịu 50% án phí có giá ngạch đối với 1/2 giá trị chiếc ô tô được hưởng là 80.000.000 đồng x 5 % = 4.000.000 đồng : 2 = 2.000.000 đồng. Bà Hoàng Thị S được miễn án phí sơ thẩm.

[13] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần xem xét để áp dụng trong việc giải quyết vụ án.

[14] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 218, các khoản 1 và 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, khoản 1 Điều 59, điểm a khoản 1 Điều 62, khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 275, khoản 2 Điều 279, các khoản 1 và 2 Điều 280 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a, đ, e khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lăng Văn Đ với chị Lương Thị H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về việc chị Lương Thị H trực tiếp nuôi cháu Lăng Mạnh H2, sinh ngày 25/9/2015, anh Lăng Văn Đ trực tiếp nuôi cháu Lăng Trí D, sinh ngày 13/7/2010 đến khi đủ 18 tuổi và không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Đình chỉ các nội dung sau:

3.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của nguyên đơn gồm: Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 67 diện tích 159,7 m², 81 diện tích 18,0 m² và 85 diện tích 185,0 m² tờ bản đồ địa chính số 33 thị trấn B và nhà, cây trồng trên đất (*theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 29/4/2022*). Chị Lương Thị H không còn quyền khởi kiện lại yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng đối với quyền sử dụng đất các thửa 67, 85, 81.

3.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị S đối với yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất và đòi quản lý sử dụng đối với thửa đất 67 tờ bản đồ địa chính số 33 thị trấn B. Bà Hoàng Thị S có quyền khởi kiện lại vụ án đòi lại tài sản bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Ghi nhận nội dung thỏa thuận của các đương sự Lương Thị H, Lăng Văn Đ và Hoàng Thị S theo biên bản thỏa thuận ngày 22/8/2022 cụ thể:

4.1. Chị Lương Thị H trả cho bà Hoàng Thị S 02 cây vàng SJC 9999 (mua tại cửa hàng vàng bạc Hoàng Long thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn). Ghi nhận chị Lương Thị H đã trả 02 cây vàng cho bà Hoàng Thị S.

4.2. Xác nhận chị Lương Thị H đã trả cho bà Hoàng Thị S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 963516 sổ vào sổ cấp GCN: CH 00355, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 20/01/2020 mang tên Hoàng Thị S.

4.3. Chị Lăng Thị H được toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 146 tờ bản đồ địa chính số 33 thị trấn B có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp vườn bà Hoàng Thị S và lối đi chung với nhà bà Nguyễn Thị L1 có chiều dài là 37,66 m.

Phía Tây giáp nhà ông Hoàng Văn T2 tại thửa đất số 113 có chiều dài là 5,50 m.

Phía Đông giáp vườn bà Nguyễn Thị L1 tại thửa đất số 144 có chiều dài là 15,90 m.

Phía Nam giáp vườn bà Nguyễn Thị L1 tại thửa đất số 144 và 142 có chiều dài là 25,45 m, diện tích của thửa 146 từ các điểm A, B, C, D, E, F, G, L, K là diện tích 174,5 m², giá trị là 8.666.800 đồng, và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất theo như hiện trạng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2022 gồm: Tường rào xây bằng gạch bê tông xây năm 2019 giá trị là 16.362.703 đồng, rào kẽm sử dụng từ năm 2009, cây trồng trên đất gồm 15 cây bưởi, 5 cây đu đủ, 1 cây xoài, 1 cây sưa, 1 cây mơ, 3 cây đào, 1 cây mận, 12 cây táo, 1 cây mít, 1 cây nhãn. Tổng giá trị cây trên đất

tại thửa 146 là 28.487.000 đồng (kèm theo mảnh trích đo số 46/2022, ngày 29/4/2022 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn).

4.4. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lương Thị H với anh Lăng Văn Đ về việc anh Lăng Văn Đ được quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt chiếc ô tô nhãn hiệu Hyundai 110 biển kiểm soát 12A-085.62. Anh Lăng Văn Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị Lương Thị H 1/2 giá trị chiếc xe ô tô với số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được trả tiền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải trả tiền chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Chị Lương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí về nghĩa vụ thanh toán tài sản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 300.000 đồng, 50 % án phí có giá ngạch đối với tổng giá trị tài sản được hưởng là 3.941.000 đồng (ba triệu chín trăm bốn mươi một nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Xác nhận chị Lương Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/ 0005517 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia. Trả lại cho chị Lương Thị H số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 3.559.000 đồng.

5.2. Anh Lăng Văn Đ phải chịu án phí có giá ngạch đối với 1/2 giá trị chiếc ô tô được hưởng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

5.3. Bà Hoàng Thị S được miễn án phí sơ thẩm.

6. Về chi phí Tố Tụng: Chị Lương Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 14.425.000 đồng. Xác nhận chị Lương Thị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- Các đương sự;
- UBND xã T nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Khởi